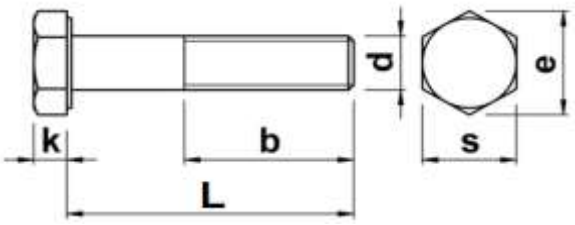
LINH KIỆN LẮP GHÉP - KẸP CHẶT

BULONG THÉP 10.9





Đơn vị: mm

Hướng dẫn tạo mã hàng	Mã	Ký hiệu	Chiều dài 8/30/100	T/P	Vật liệu	Tiêu chuẩn
	B01	M0601	008/030/100	T: Ren toàn thân P: Ren lửng	E10: Thép 10.9 oxit đen E20: Thép 10.9 mạ kẽm	DIN933/DIN931

EX: B01M0601030TE20: Bulong M6x30 ren suốt, mạ kẽm.

Kích thước ren	Ký hiệu kích thước ren	Chiều dài (L)	b	k		S		e
				Min	Max	Min	Max	Min
M6x1.0	M0601	12 16 20 25 30 35 40 50 60 70 80 100	Ren toàn thân >18	3.85	4.15	9.78	10	11.1
M8x1.25	M0801	12 16 20 25 30 40 50 60 70 80 60 70 80 100 120	Ren toàn thân >22	5.15	5.45	12.7	13	14.4
M10x1.5	M1001	16 20 25 30 40 50 60 70 80 100 50 60 70 80 90 100 120	Ren toàn thân >26	6.22	6.58	16.7	17	18.9
M12x1.75	M1201	20 25 30 40 50 60 70 80 100 120 150 50 60 70 80 90 100 120	Ren toàn thân >30	7.32	7.68	18.7	19	21.1
M14x2.0	M1401	30 40 50 60 70 80 100 60 70 80 100 120	Ren toàn thân >34	8.62	8.98	21.7	22	24.5
M16x2.0	M1601	30 40 50 60 70 80 100 120 150 50 60 70 80 100 110 120	Ren toàn thân >38	9.82	10.2	23.7	24	26.8
M18x2.5	M1801	40 50 60 100 120	Ren toàn thân	11.3	11.7	26.7	27	30.1
M20x2.5	M2001	40 50 60 60 70 80 100	Ren toàn thân >46	11.3	11.7	29.7	30	33.5
M22x2.5	M2201	50 60 70 80 90 100 120 150 70 80 100 1200 150 200	Ren toàn thân >50 >56	13.8	14.2	31.6	32	35.7
M24x3.0	M2401	50 60 80 140 70 100 120 150 180 200 300	Ren toàn thân >54 >60	14.8	15.2	35.4	36	40
M27x3.0	M2701	120 110 130	Ren toàn thân >60	16.7	17.4	-	41	45.2
M30x3.5	M3001	70 90 100 120 150 180 120 150 160 280	Ren toàn thân >66 >85	18.28	19.1	-	46.00	50.85

Email: sales@mecsu.vn
Phone: 028.665.72.459

MORE PRODUCTS ON WEBSITE www.mecsu.vn